

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG SƠN**

Số: 4357 QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hương Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình thực hiện ngân sách nhà nước
9 tháng đầu năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho UBND các xã, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2025 của HĐND xã Hương Sơn về việc phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026 của xã Hương Sơn theo các biểu số liệu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế phối hợp Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã tổ chức công khai tình hình thực hiện ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026 theo đúng nội dung, hình thức và thời hạn quy định.

Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của số liệu thực hiện công khai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Hà Tĩnh;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Ban Kinh tế - Ngân sách;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- UBMTTQ, các ban ngành đoàn thể xã;
- Các đơn vị trường học; trạm y tế;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp;
- Thôn trưởng các thôn;
- Lưu: VP, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Thái Sơn



THUYẾT MINH

Công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã 9 tháng năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Hương Sơn)

1. Tình hình thu ngân sách

Tổng thu ngân sách xã 9 tháng năm 2026 đạt 214.471.255.439 đồng, bằng 69,88% dự toán năm. Trong đó,

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đạt 151.755.533.000 đồng, bằng 66,15%
- thu các khoản xã hưởng 100% đạt 911.543.513 đồng;
- Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ đạt 36.057.271.071 đồng;
- Thu chuyển nguồn đạt 25.746.907.855 đồng.

2. Tình hình chi ngân sách

Tổng chi ngân sách xã 9 tháng năm 2026 đạt 184.611.671.710 đồng, bằng 60,15% dự toán năm. Trong đó,

- Chi đầu tư phát triển đạt 26.845.609.772 đồng, bằng 35,14% dự toán;
- Chi thường xuyên đạt 157.766.061.938 đồng, bằng 69,74% dự toán;

Việc công khai tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã 9 tháng năm 2026 nhằm bảo đảm công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành ngân sách; làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị và Nhân dân theo dõi, giám sát theo quy định.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Phụ lục 01
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị: Đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	306.934.750.000	214.471.255.439	69,88
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		1.307.922.101	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		35.660.892.483	
3	Thu bổ sung	229.418.000.000	151.755.533.000	66,15
-	Bổ sung cân đối	172.321.000.000	114.000.000.000	66,16
-	Bổ sung có mục tiêu	57.097.000.000	37.755.533.000	66,13
4	Thu chuyển nguồn		25.746.907.855	
	TỔNG SỐ CHI	306.935.000.000	184.611.671.710	60,15
1	Chi đầu tư phát triển (Trong đó: Nộp 5% tiết kiệm chi đầu tư vào NS tỉnh 2,456 tỷ đồng)	76.394.000.000	26.845.609.772	35,14
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	226.206.000.000	157.766.061.938	69,74
3	Dự phòng	4.335.000.000		0,00



UBND Xã Hương Sơn

Biểu số 114/CK-NSNN

Phụ lục 02

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị : Đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	320.496.000.000	306.934.750.000	214.471.255.439	214.471.255.439	66.92	69.88
I	Các khoản thu hưởng 100%			911.543.513	911.543.513		
	Các loại phí, lệ phí	400.000.000	400.000.000	95.885.500	95.885.500	23.97	23.97
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	100.000.000	100.000.000	554.000	554.000	0.55	0.55
	Thu tiền phạt						
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	548.000.000	548.000.000	815.104.013	815.104.013	148.74	148.74
II	Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %			36.057.271.071	36.057.271.071		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			59.564.423	59.564.423		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	15.000.000.000	7.500.000.000	5.566.533.869	5.566.533.869	37.11	74.22



	Thuế thu nhập cá nhân	5.000.000.000	2.500.000.000			0	0
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	9.000.000.000	4.500.000.000	4.970.853.936	4.970.853.936	55.23	110.46
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	75.000.000	75.000.000	44.407.547	44.407.547	59.21	59.21
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			230.382.412	230.382.412		
	Thu tiền sử dụng đất	60.000.000.000	61.200.000.000	24.084.757.664	24.084.757.664	40.14	39.35
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển	5.000.000	2.500.000	745.285.179	745.285.179	14905.7	29811.41
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước			312.982.041	312.982.041		
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác	450.000.000	191.250.000	42.504.000	42.504.000	9.45	22.22
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	Thu Viện trợ						
D	Thu chuyển nguồn			25.746.907.855	25.746.907.855		
E	Thu kết dư ngân sách						
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229.418.000.000	229.418.000.000	151.755.533.000	151.755.533.000	66.15	66.15
1	Bổ sung cân đối	172.321.000.000	172.321.000.000	114.000.000.000	114.000.000.000	66.16	66.16
2	Bổ sung có mục tiêu	57.097.000.000	57.097.000.000	37.755.533.000	37.755.533.000	66.13	66.13



Biểu số 115/CK-NSNN

Phụ lục 03

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1435 /QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị: Đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026			Ước thực hiện quý III			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	306.935.000.000	76.394.000.000	226.206.000.000	184.611.671.710	26.845.609.772	157.766.061.938	59.34	31.91	69.74
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi giáo dục	123.865.000.000	16.546.000.000	107.319.000.000	71.529.502.814	4.510.220.404	67.019.282.410	57.75	27.26	62.45
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	150.000.000		150.000.000	30.735.000		30.735.000	20.49		20.49
3	Chi y tế	8.383.000.000		8.383.000.000	6.008.025.990		6.008.025.990	71.67		71.67
4	Chi văn hóa, thông tin	2.195.000.000	1.500.000.000	695.000.000	513.392.000		513.392.000	23.39	0	73.87
5	Chi phát thanh, truyền thanh	120.000.000		120.000.000				0		0
6	Chi thể dục thể thao				64.649.280		64.649.280			
7	Chi bảo vệ môi trường	5.597.000.000	3.097.000.000	2.500.000.000	45.200.000		45.200.000	0.81	0	1.81
8	Chi các hoạt động kinh tế	57.962.000.000	43.191.000.000	14.771.000.000	22.160.936.999	19.630.497.368	2.530.439.631	38.23	45.45	17.13
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	41.955.000.000	7.500.000.000	34.455.000.000	36.743.393.278	2.704.892.000	34.038.501.278	99.49		98.79
10	Chi cho công tác xã hội	54.609.000.000		54.609.000.000	44.439.218.570		44.439.218.570	81.38		81.38
11	Chi quốc phòng	2.764.000.000		2.764.000.000	2.769.040.779		2.769.040.779	100.18		100.18
12	Chi an ninh	1.940.000.000	1.500.000.000	440.000.000	307.577.000		307.577.000	15.85	0	69.9
B	Các nhiệm vụ chi khác									
C	Dự phòng ngân sách	4.335.000.000						0		